

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

ĐỖ VĂN HIỆP

**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC
TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG**

Chuyên ngành : Kế toán

Mã số : 9.34.03.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2020

**Công trình được hoàn thành
tại Học viện Tài chính**

Người hướng dẫn khoa học: PGS,TS. Ngô Thị Thu Hồng

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính**

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2020

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Tài chính**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hiện nay ngày càng hội nhập sâu vào kinh tế thế giới, kế toán càng trở nên quan trọng trong việc cung cấp thông tin về kinh tế tài chính phục vụ cho công tác điều hành quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp Quốc phòng nói riêng.

Để có thông tin phục vụ cho công tác điều hành quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp đều phải thiết lập cho mình một hệ thống thông tin kế toán phù hợp. Tuy nhiên, cách thức tổ chức hệ thống thông tin kế toán của mỗi doanh nghiệp phụ thuộc vào tầm quan trọng và vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong việc quản lý, điều hành hoạt động của doanh nghiệp đó. Các doanh nghiệp thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, một mặt vừa là những đơn vị thực hiện chức năng của Quân đội Nhân dân Việt Nam, mặt khác vừa là những đơn vị thực hiện nhiệm vụ kinh tế quốc phòng.

Trong những năm gần đây, vấn đề giao quyền tự chủ cho các doanh nghiệp thuộc Bộ quốc phòng nói chung và các doanh nghiệp thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng nói riêng đã trở nên phổ biến nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của các doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp và tính năng động của nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế thế giới. Tuy nhiên, vấn đề về tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ thông tin phục vụ cho lãnh đạo trong việc điều hành quá trình SXKD, đặc biệt là vấn đề tổ chức thu thập dữ liệu thông qua một số phương tiện, thiết bị kỹ thuật cũng như vấn đề về xử lý dữ liệu thu thập được nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và tin cậy cho công tác quản trị doanh nghiệp. Hơn nữa, trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng hiện nay, thông tin kinh tế tài chính cần được thu nhận, xử lý một cách toàn diện, đầy đủ và kịp thời.

Câu hỏi đặt ra cho những nhà quản trị doanh nghiệp là làm thế nào để xây dựng được HTTT kế toán phù hợp, cung cấp được các thông tin về tài chính kế toán đầy đủ, trung thực, kịp thời phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp. Chính vì vậy, nghiên cứu "*Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng*" là một đề tài có tính thời sự, được tác giả chọn làm đề tài luận án tiến sỹ kinh tế. Đề tài có ý nghĩa khoa học cả về lý luận và thực tiễn để phục vụ vấn đề quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt không những trong phạm vi cả nước mà còn cả phạm vi toàn cầu.

2. Tổng quan các công trình liên quan đến đề tài luận án

Tác giả đã phân loại thành 2 loại công trình, đó là (1) các công trình nghiên cứu chung về hệ thống thông tin kế toán và (2) các công trình nghiên cứu về hệ thống thông tin kế toán quản trị. Qua đó, rút ra khoản trống cần tiếp tục nghiên cứu trong đề tài này

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa lý luận và làm rõ thêm về hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp.

- Khảo sát thực trạng HTTT kế toán trong các doanh nghiệp thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân hạn chế;

- Đề xuất giải pháp hoàn thiện HTTT kế toán trong các doanh nghiệp thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc phòng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đề tài tập trung nghiên cứu lý luận về HTTT kế toán trong các doanh nghiệp;

- Khảo sát thực trạng về HTTT kế toán trong các doanh nghiệp thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, qua đó đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân hạn chế của HTTT kế toán trong các doanh nghiệp này.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Đề tài nghiên cứu lý luận về HTTTKT trong các doanh nghiệp;
- Về không gian: Nghiên cứu, khảo sát thực trạng về hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc phòng;
- Về thời gian: Nghiên cứu, khảo sát thực trạng về HTTTKT trong các DN thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng trong thời gian từ 2016 - 2018.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và những nguyên lý của chủ nghĩa Mác Lênin, nghiên cứu các vấn đề trong mối quan hệ biện chứng kết hợp với duy vật lịch sử.

5.2. Phương pháp kỹ thuật

Luận án vận dụng kết hợp các phương pháp điều tra, khảo sát thu thập dữ liệu; tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu, sử dụng phương pháp so sánh, tổng hợp và phân tích trên cơ sở quan điểm duy vật biện chứng kết hợp với quan điểm duy vật lịch sử để tiến hành nghiên cứu thực trạng HTTT kế toán quản trị trong các doanh nghiệp thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc phòng..

5.3. Phương pháp thu thập dữ liệu

Tác giả thu thập dữ liệu thứ cấp và dự liệu sơ cấp; kết hợp các phương pháp nghiên cứu để nghiên cứu các vấn đề theo mục tiêu đã đề ra

6. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Lý luận về hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng.

Chương 3: Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng.

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN VÀ VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp

Trong mục này, tác giả trình bày và phân tích một số quan điểm khác nhau về Hệ thống nói chung và HTTTKT nói riêng. Tất cả các hệ thống đều gồm các đặc điểm sau (i) các thành phần hữu hình;(ii) phương thức hay thủ tục xử lý và (iii) mục tiêu hoạt động. Trên cơ sở đó, đưa ra quan niệm riêng của tác giả về HTTTKT: *“HTTT kế toán là hệ thống gồm những người làm kế toán cùng với các chính sách, thủ tục, quy định về tài chính, kế toán, kết hợp với việc sử dụng các phần cứng, phần mềm kế toán để thực hiện chức năng thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng”*.

1.1.2. Vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong quản lý doanh nghiệp

Kế toán cung cấp thông tin cho cả đối tượng bên trong doanh nghiệp và đối tượng bên ngoài doanh nghiệp. Trên góc độ đối tượng sử dụng thông tin, hệ thống thông tin kế toán trong mỗi doanh nghiệp thường bao gồm hai hệ thống nhỏ: hệ thống kế toán tài chính và hệ thống kế toán quản trị. Đối với nội bộ doanh nghiệp, hệ thống kế toán cung cấp thông tin cho việc ra quyết định ở tất cả các cấp quản trị trong doanh nghiệp.

Như vậy, có thể nói rằng HTTT kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng đối với bất kể doanh nghiệp thuộc loại hình kinh doanh nào. Với chức năng của mình, HTTT kế toán thu thập, phân loại, lưu trữ, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ cho điều hành hoạt động SXKD của nhà quản trị doanh nghiệp, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý của các cơ quan chức năng của nhà nước cũng như các đối tượng khác quan tâm tới doanh nghiệp.

1.1.3. Mục tiêu và yêu cầu của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp

1.1.3.1. Mục tiêu của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp

Hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp cần đạt được các mục tiêu sau:

Một là, HTTTKT phải đáp ứng được việc ghi nhận, xử lý và cung cấp thông tin phù hợp cho từng đối tượng sử dụng thông tin.

Hai là, HTTTKT đáp ứng các yêu cầu quản trị của doanh nghiệp

1.1.3.2. Yêu cầu của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp

Để thực sự phát huy được vai trò quan trọng trong quản trị doanh nghiệp, HTTT kế toán của doanh nghiệp cần đáp ứng được các yêu cầu cơ bản dưới đây:

Một là, HTTTKT phải phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD của doanh nghiệp

Hai là, HTTTKT phải đảm bảo cung cấp thông tin tin cậy và kịp thời

Ba là, HTTTKT phải đáp ứng được nhu cầu thông tin của doanh nghiệp

Bốn là, HTTTKT phải thuận tiện cho người sử dụng hệ thống

1.2. CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Căn cứ xác định các yếu tố cấu thành hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp

Các yếu tố cấu thành hay còn gọi là thành phần của HTTT kế toán trong doanh nghiệp. Nếu theo cách tiếp cận hệ thống theo phương pháp “trên- xuống”, nghĩa là phân chia HTTT thành các thành phần nhỏ, mỗi thành phần nhỏ đó gọi là phân hệ của HTTT, mỗi thành phần nhỏ đó lại được chia thành các thành phần nhỏ hơn.

Về lý thuyết, có nhiều tiêu thức khác nhau để phân chia HTTT thành các phân hệ, mỗi tiêu thức phân chia có tác dụng đáp ứng nhu cầu khác nhau trong quản trị hệ thống đó. Song, việc phân chia này đều phải đảm bảo nguyên tắc nhất định và tính khoa học trong việc phân chia này. Các nguyên tắc cơ bản như sau:

- Nguyên tắc phân cấp
- Nguyên tắc lựa chọn tiêu thức hợp lý

Đối với HTTTKT, có nhiều tiêu thức để phân chia thành các phần tử độc lập tương đối sau đây:

Một là, căn cứ trên cơ sở phân loại các nghiệp vụ kế toán.

Hai là, căn cứ trên cơ sở phân loại chu trình nghiệp vụ

Ba là, căn cứ trên cơ sở tiến trình xử lý thông tin

Bốn là, căn cứ trên cơ sở cấp quản lý trong doanh nghiệp

Năm là, căn cứ trên cơ sở hệ thống

1.2.2. Các yếu tố cấu thành hệ thống thông tin kế toán

Xác định các yếu tố cấu thành HTTT kế toán bao gồm: (i) Bộ máy kế toán, gồm con người thực hiện các phần hành kế toán cụ thể trong bộ máy kế toán; (ii) Dữ liệu kế toán; (iii) Các phương tiện sử dụng, gồm các chính sách kế toán, trang thiết bị và phần mềm kế toán; (iv) thủ tục kế toán, gồm các hướng dẫn, quy định của cấp có thẩm quyền về quy trình, quy tắc xử lý các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh thông qua các phương pháp kế toán như hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản kế toán; hệ thống sổ kế toán và hệ thống báo cáo kế toán) và (v) hệ thống kiểm soát, kiểm tra kế toán trong doanh nghiệp.

1.2.2.1. Bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán là một thành phần quan trọng của cấu trúc HTTT kế toán, đó là tập hợp những người làm kế toán (nhân viên kế toán) được phân công nhiệm vụ nhất định trong mỗi bộ phận kế toán của bộ máy kế toán nhằm đảm bảo đầy đủ việc thu nhận, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng.

Hiện nay, có 3 phương thức chủ yếu tổ chức bộ máy kế toán trong doanh nghiệp, mỗi phương thức có những ưu điểm và hạn chế riêng, đó là (i) phương thức trực tuyến; (ii) phương thức trực tuyến - tham mưu và (iii) phương thức chức năng.

1.2.2.2. Dữ liệu kế toán

Dữ liệu kế toán gồm tất cả các số liệu và thông tin phục vụ cho việc xử lý thông tin kế toán trong hệ thống, trợ giúp cho việc ra quyết định của nhà quản lý trong điều hành quá trình hoạt động của doanh nghiệp. HTTT kế toán trong doanh nghiệp nhận được thông tin kế toán từ 2 nguồn: môi trường và doanh nghiệp.

1.2.2.3. Phương tiện sử dụng trong hệ thống thông tin kế toán

Phương tiện sử dụng trong hệ thống thông tin gồm (a) chính sách kế toán; (b) các thủ tục kế toán và (c) các trang thiết bị phần cứng, phần mềm kế toán;

**** Chính sách kế toán***

Để đáp ứng được yêu cầu thông tin của các đối tượng sử dụng, trước hết HTTT của doanh nghiệp phải xây dựng chính sách kế toán phù hợp. Nội dung chủ yếu của chính sách kế toán, bao gồm: Thứ nhất: Xác định nhu cầu thông tin; Thứ hai, xây dựng danh mục đối tượng kế toán; Thứ ba, các thủ tục kế toán và thứ tư: Các chính sách kế toán khác.

1.2.2.4. Xây dựng danh mục đối tượng kế toán

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng có mối quan hệ đa phương, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều và đa dạng, đặc biệt trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, các đối tượng kế toán nhất thiết phải được mã hóa để đảm bảo quy trình xử lý dữ liệu được chính xác. Mã hóa đối tượng kế toán giúp cho quá trình xử lý dữ liệu nhận dạng đối tượng kế toán không bị nhầm lẫn; dễ dàng, thuận tiện cho việc tập hợp theo nhóm đối tượng kế toán có cùng thuộc tính.

1.2.2.5. Xây dựng các thủ tục kế toán

Xây dựng các thủ tục kế toán, có thể được coi là khâu thiết yếu của chính sách kế toán, bao gồm việc xây dựng các quy định về quy trình xử lý dữ liệu kế toán như quy định hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống sổ kế toán và hệ thống báo cáo kế toán (các nội dung này sẽ được nghiên cứu cụ thể ở phần sau).

1.2.2.6. Các chính sách kế toán khác

Các chính sách kế toán khác cần được cam kết áp dụng tại các DN ít nhất là một niên độ kế toán để đảm bảo tính ổn định khi tính toán các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp. Các chính sách kế toán khác như chính sách khấu hao TSCĐ, phương pháp hạch toán hàng tồn kho (kê khai thường xuyên hay kiểm kê định kỳ), phương pháp tính trị giá vốn hàng tồn kho, phương pháp tính giá TSCĐ, phương pháp tính thuế GTGT (phương pháp khấu trừ hay phương pháp trực tiếp)...

1.3. CÁC THỦ TỤC KẾ TOÁN

Trong HTTT kế toán, thủ tục kế toán là các quy trình, quy tắc xử lý các nghiệp vụ kinh tế tài chính được quy định trước đối với toàn bộ HTTT kế toán từ khâu lập chứng từ, kiểm tra, xử lý, hoàn chỉnh và ghi sổ, lập báo cáo kế toán và cung cấp thông tin cho người sử dụng. Các thủ tục kế toán gồm các quy định về các nội dung hệ thống chứng từ; hệ thống tài khoản kế toán; hệ thống sổ kế toán và hệ thống báo cáo kế toán.

1.3.1. Hệ thống chứng từ kế toán

Chứng từ kế toán là những giấy tờ hay vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán. Chứng từ kế toán vừa là căn cứ để ghi sổ kế toán vừa là bằng chứng pháp lý của số liệu kế toán.

1.3.2. Hệ thống tài khoản kế toán

Hệ thống tài khoản kế toán là tập hợp các tài khoản được phân loại theo từng loại, nhóm tài khoản tổng hợp và tài khoản chi tiết sử dụng để thu nhận và cung cấp các thông tin về kinh tế tài chính cho việc lập báo cáo kế toán.

Mục đích cơ bản của việc xây dựng HTTK kế toán là hướng tới việc hệ thống hóa thông tin về tình hình hiện có và sự vận động của các đối tượng kế toán trong DN. Khi xây dựng HTTK kế toán cần quan tâm đến việc đáp ứng yêu cầu hệ thống hóa và cung cấp thông tin tổng quát và thông tin chi tiết phục vụ cho công tác quản lý.

1.3.3. Hệ thống sổ kế toán

Sổ kế toán là những tờ sổ được xây dựng theo mẫu nhất định, có liên hệ chặt chẽ với nhau dùng để ghi chép, hệ thống hoá thông tin về các hoạt động kinh tế tài chính trên cơ sở số liệu của các chứng từ kế toán theo đúng phương pháp kế toán nhằm cung cấp thông tin có hệ thống phục vụ công tác lãnh đạo và quản lý các hoạt động kinh tế tài chính trong đơn vị

1.3.4. Hệ thống báo cáo kế toán

Báo cáo kế toán là phương thức tổng hợp số liệu kế toán theo các chỉ tiêu kinh tế tài chính nhằm cung cấp thông tin theo nhu cầu cho các đối tượng sử dụng về hiệu quả hoạt động, tình hình tài chính để ra các quyết định

liên quan tới hoạt động của DN. Báo cáo kế toán gồm báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị.

1.4. CÁC PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT SỬ DỤNG TRONG HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

1.4.1. Phần cứng

Phần cứng gồm một hệ thống máy tính và các thiết bị ngoại vi có thể được kết nối với nhau thành hệ thống mạng và được sử dụng để thu nhận, xử lý và cung cấp một khối lượng thông tin cực kỳ lớn cho các đối tượng sử dụng một cách nhanh chóng và chính xác. Trong quá trình sử dụng, doanh nghiệp phải có những quy định cụ thể về trách nhiệm đối với người sử dụng, đồng thời có chế độ bảo mật chặt chẽ để đảm bảo thông tin tuyệt đối được giữ bí mật.

1.4.2. Phần mềm

Phần mềm kế toán là chương trình máy tính được thiết lập nhằm hỗ trợ cho công tác kế toán trong quá trình thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp các thông tin kế toán cho các đối tượng sử dụng. Theo đó, mỗi phần mềm kế toán bao gồm các thành phần: cơ sở dữ liệu; hệ thống giao diện; hệ thống báo cáo; chương trình và các thành phần khác. Do mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm đặc thù khác nhau nên việc sử dụng các phần mềm kế toán cũng có sự lựa chọn khác nhau. Tuy nhiên, cần lưu ý các tiêu chí sau đây:

Một là, phần mềm kế toán phải đáp ứng yêu cầu của người sử dụng;

Hai là, phần mềm kế toán phải có tính kiểm soát cao;

Ba là, phần mềm kế toán cần phải có tính linh hoạt cao;

Bốn là, phần mềm kế toán phải có tính ổn định và tính phổ biến;

Năm là, giá phí phần mềm phải phù hợp với mặt bằng giá chung từng thời kỳ.

1.5. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT VÀ KIỂM TRA KẾ TOÁN

Hệ thống kiểm soát là bộ phận cấu thành không thể thiếu được trong HTTT kế toán nhằm mục đích kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp của dữ liệu kế toán trong quá trình thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng.

Nội dung các hoạt động kiểm soát trong HTTT kế toán thường bao gồm:

- + Phê chuẩn các nghiệp vụ một cách hợp lý
- + Phân công nhiệm vụ đối với nhân viên kế toán theo nguyên tắc bất kiêm nhiệm.

1.6. HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM RÚT RA CHO CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

1.6.1. Hệ thống thông tin kế toán của một số nước trên thế giới

Mục này nghiên cứu HTTTKT ở một số trên thế giới như Anh, Mỹ, Nhật Bản; phân tích đặc điểm của HTTTKT trong các doanh nghiệp của các quốc gia này làm cơ sở rút ra bài học cho các doanh nghiệp Việt Nam.

1.6.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho các doanh nghiệp thuộc tổng cục Công nghiệp quốc phòng

Qua nghiên cứu HTTT kế toán của một số quốc gia phát triển trên thế giới, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc phòng nói riêng.

Kết luận chương 1

Chương 1 nghiên cứu, hệ thống hóa và làm rõ hơn lý luận về HTTT kế toán trong doanh nghiệp, bao gồm khái niệm, vai trò, mục tiêu và yêu cầu của HTTT kế toán. Trong đó, tác giả đã nêu ra và phân tích một số quan điểm của các tác giả khác nhau, từ đó đưa ra quan niệm của mình về vấn đề này. Đồng thời, nghiên cứu cấu thành của HTTT kế toán; trình bày và phân tích luận cứ khoa học của việc xác định nội dung cấu thành của HTTT kế toán. Trình bày cụ thể các vấn đề về nội dung của thành HTTT kế toán gồm: bộ máy kế toán; các phương tiện sử dụng trong HTTT kế toán như chính sách kế toán, các thủ tục kế toán (hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống sổ kế toán và báo cáo kế toán) và hệ thống kiểm tra kế toán. Mặt khác, chuyên đề này còn nghiên cứu kinh nghiệm về HTTT kế toán của một số nước trên thế giới, qua đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Chương 2

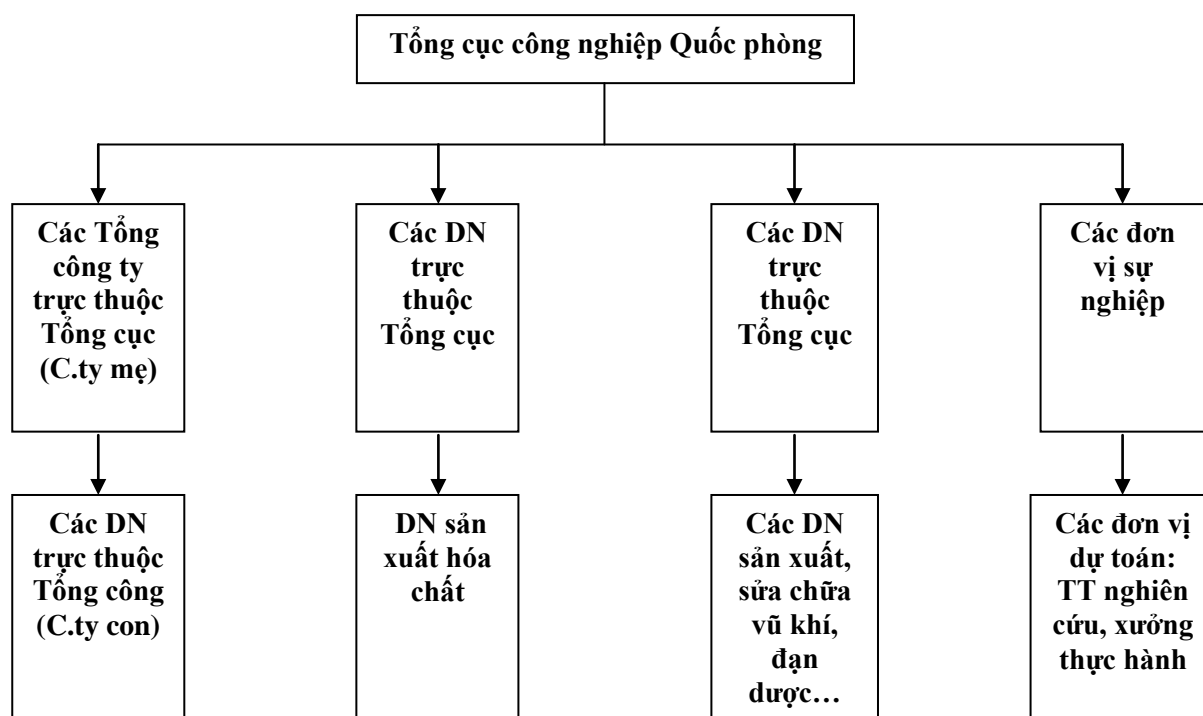
THỰC TRẠNG HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

2.1.1. Khái quát lịch sử Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng

2.1.2. Cơ cấu tổ chức quản lý Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng

Sơ đồ: 2.2: Bộ máy quản lý của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng
(Theo Quyết định 4406/QĐ-BQP)



2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh

Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2018

Chỉ tiêu	Các DN đóng tàu			Các DN hóa chất, đạn, ngòi			Các DN sản xuất, sửa chữa vũ khí		
	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
Giá trị sản xuất (tỷ đ)	6.50 0	6.58 4	101, 3	5.80 0	6.01 2	103, 6	6.00 0	6.05 6	100, 9
Doanh thu(tỷ đ)	6.25 0	6.32 7	101, 2	6.00 0	6.12 5	102, 0	5.90 0	6.02 8	102, 2
Lợi nhuận(tỷ đ)	115	117	101,	120	122	101,	110	112	101,

			7			7			8
Lương bình quân (trđ)	8	8,23	102,9	8,2	8,35	101,8	8,2	8,33	101,6

Nguồn: Kết quả tổng hợp của tác giả

Các đặc điểm trên ảnh hưởng đến HTTT kế toán như sau:

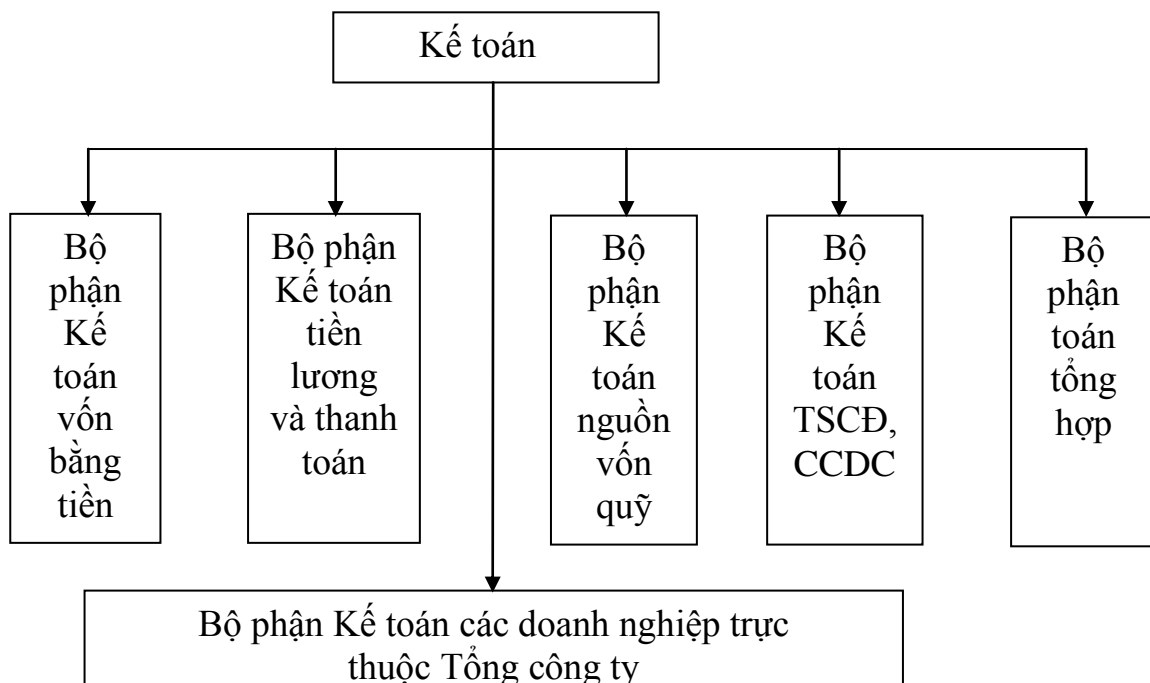
+ Mỗi doanh nghiệp gồm TCT và các doanh nghiệp thuộc TCT cũng như các doanh nghiệp thuộc Tổng cục đều phải có HTTT kế toán riêng, phù hợp với đặc điểm cụ thể của mình; có bộ máy kế toán riêng và tổ chức bộ máy kế toán ở mỗi DN phải phù hợp với đặc điểm của từng DN. Các TCT chịu trách nhiệm lập BCTCHN trên cơ sở BCTC riêng của mình và các BCTC của các công ty con; Ngoài ra, còn phải lập Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh; Báo cáo tổng hợp tình hình công tác quản lý của các doanh nghiệp.

+ Sản phẩm sản xuất của các TCT, các DN thuộc TCT và các DN thuộc Tổng cục là những sản phẩm mang tính đặc thù của sản phẩm quốc phòng nên các thông tin về sản xuất, bán hàng đều phải đảm bảo tuân thủ tính bảo mật, an toàn tuyệt đối nên vấn đề thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin của HTTT kế toán cần có những đặc điểm riêng và cần đảm bảo nguyên tắc bí mật đối với một số thông tin thuộc danh mục bí mật quốc phòng;

2.2. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

2.2.1. Bộ máy kế toán và nguồn nhân lực trong bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.3: Tổ chức bộ máy kế toán các tổng công ty



Bảng 2.2: Trình độ đào tạo của những người làm kế toán trong các doanh nghiệp

TT	Trình độ đào tạo	Số người	Tỷ lệ(%)
1	Trên đại học	22	11,34
2	Đại học	136	70,10
3	Cao đẳng	25	12,88
4	Trung học chuyên nghiệp	8	5,63
5	Chưa qua đào tạo	3	0,05
	Cộng	194	100,00

Nguồn: Kết quả khảo sát

Về hình thức tổ chức bộ máy kế toán, kết quả khảo sát theo bảng sau:

Bảng 2.3: Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tại các doanh nghiệp

TT	Hình thức	Số quan sát	Kết quả	
			Số DN	Tỷ lệ %
1	Tập trung	24	20	83,34%
2	Phân tán	24	2	8,33%
3	Vừa tập trung vừa phân tán	24	2	8,33%

Nguồn: Kết quả khảo sát

Kết quả trên bảng cho thấy có 20/24 DN chiếm 83,34 % bộ máy kế toán của các DN thuộc Tổng cục tổ chức theo mô hình tập trung, còn mô hình tổ chức phân tán và vừa tập trung vừa phân tán đều là 2/24 DN chiếm 8,33%. Như vậy, theo tác giả đánh giá là phù hợp với đặc điểm cụ thể của các DN này (**Phụ lục 3**).

2.2.2. Thực trạng về dữ liệu kế toán

Dữ liệu kế toán của các DN thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc phòng được hình thành từ 2 nguồn chính là các dữ liệu được ghi nhận từ bộ phận hạch toán nghiệp vụ và các dữ liệu được ghi nhận trên các chứng từ gốc.

+ Về căn cứ lập chỉ tiêu định mức: Căn cứ vào các chỉ tiêu định mức năm trước liền kề, kết hợp với việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng về điều kiện cụ thể của năm dự toán để xây dựng, điều chỉnh các định mức phù hợp.

+ Về nội dung các chỉ tiêu định mức: Nội dung các chỉ tiêu định mức do mỗi doanh nghiệp có quy định phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của mình.

+ Về công tác kiểm tra đối chiếu dữ liệu khi nhập vào máy tính ở một số doanh nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên nên có những tình trạng sai sót nhất định. Kết quả khảo sát 24 DN của Tổng cục cho thấy tình trạng này tồn tại ở 4 doanh nghiệp, chiếm 16,66% (**phụ lục 3**).

+ Về việc lưu trữ dữ liệu kế toán: Theo kết quả khảo sát tại các DN thuộc Tổng cục cho thấy có 9/24 DN (37,5%) thực hiện lưu trữ chứng từ điện tử. Các DN còn lại 15/24 DN (62,5%) thực hiện lưu trữ dữ liệu trên chứng từ bằng giấy theo quy định của chế độ kế toán và những quy định riêng của DN (**Phụ lục 3**).

2.2.3. Hệ thống phương tiện kỹ thuật

Thực trạng phần cứng: Theo kết quả khảo sát tại các DN thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, tính đến thời điểm hiện nay thì 100% DN đều đã trang bị máy tính và đã thực hiện việc nối mạng thông qua máy chủ DN.

Thực trạng về phần mềm:

Theo kết quả khảo sát của tác giả có 16/24 DN (66,66%) thực hiện phần mềm độc lập còn lại 8/24 DN (33,34%) đã thực hiện việc tích hợp với HTTT chung của doanh nghiệp. (**Phụ lục 3**).

2.2.4. Thực trạng về các thủ tục kế toán

2.2.4.1. Hệ thống chứng từ kế toán và luân chuyển chứng từ

Luận án khảo sát và trình bày, phân tích thực trạng về:

- Về phương pháp lập chứng từ
- Về công tác kiểm tra, phân loại, tổng hợp và lập định khoản kế toán:
- Về luân chuyển chứng từ kế toán
- Về công tác bảo quản, lưu trữ và hủy chứng từ kế toán

+ *Công tác bảo quản chứng từ*

+ *Công tác lưu trữ chứng từ kế toán*

2.2.4.2. Hệ thống tài khoản kế toán

- Tài khoản sử dụng cho kế toán tài chính

Qua khảo sát thực tế trong các Tổng công ty và các DN trực thuộc cho thấy việc xác định tài khoản sử dụng cho kế toán tài chính về cơ bản đã tôn

trọng hệ thống tài khoản kế toán do Bộ Tài chính quy định. Tuy nhiên còn một số DN lại không sử dụng TK 151- Hàng mua đang đi đường, TK 157.

- Tài khoản chi tiết dùng cho kế toán quản trị

Có 100% doanh nghiệp trực thuộc đã tiến hành mã hóa tài khoản để đảm bảo thực hiện tốt KTQT

2.2.4.3. Hình thức kế toán và Hệ thống sổ kế toán

Dưới đây là kết quả khảo sát về hình thức tổ chức công tác kế toán các DN tại Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng đang áp dụng:

Bảng 2.5: Hình thức sổ kế toán tại các doanh nghiệp thuộc tổng cục

TT	Hình thức	Kết quả	
		Số quan sát	Tỷ lệ (%)
1	Chứng từ ghi sổ	3/24	12,50%
2	Nhật ký chứng từ	0	0,00%
3	Nhật ký chung	21/24	87,50%
4	Nhật ký sổ cái	0	0,00%

Nguồn: Kết quả khảo sát

Về sổ kế toán: Các nghiệp vụ kinh tế được các Tổng công ty và các doanh nghiệp trực thuộc phản ánh vào sổ kế toán tổng hợp theo quy định tại phụ lục của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Ngoài các sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết theo quy định của Bộ Tài chính, các doanh nghiệp thuộc Tổng cục đều tự thiết kế thêm một sổ sổ kế toán khác phục vụ nhu cầu xử lý thông tin đáp ứng nhu cầu quản trị doanh nghiệp.

2.2.4.4. Hệ thống báo cáo kế toán

** Về lập BCTC của các doanh nghiệp*

Theo kết quả khảo sát tại thì vào thời điểm cuối niên độ kế toán, các DN đều tiến hành lập các BCTC theo quy định.

** Đối với BCTC riêng của Tổng công ty và các doanh nghiệp trực thuộc:*

Văn phòng TCT và các doanh nghiệp trực thuộc lập BCTC riêng, cuối quý, cuối năm gửi về phòng kế toán TCT để lập BCTCHN.

** Đối với báo cáo tài chính hợp nhất của các Tổng công ty*

Hầu hết các đơn vị thuộc phạm vi khảo sát đều xác định phạm vi hợp nhất BCTC theo đúng quy định.

** Đối với báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:*

Báo cáo LCTT hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo LCTT của Tổng công ty và của các DN trực thuộc theo từng khoản mục, bằng cách cộng các khoản mục tương đương trên cơ sở thống nhất về phương pháp lập.

** Đối với Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất*

TCT đã chú trọng đến việc bổ sung các thông tin chung để đáp ứng đúng việc lập BCTCHN

- Lập Báo cáo kế toán quản trị

Nhìn chung hệ thống báo cáo KTQT chưa được các DN quan tâm nhiều. Đối với báo cáo bộ phận, chủ yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh (15/24 DN chiếm 62,50%) và theo khu vực địa lý (9/24 DN chiếm 37,50%) **(Phụ lục 3).**

- Phân tích báo cáo tài chính

Qua khảo sát thực tế tại các DN trực thuộc Tổng cục nói chung và trực thuộc Tổng công ty nói riêng, cho thấy công tác phân tích BCTC của các đơn vị này được thực hiện khá đầy đủ theo định kỳ quý/năm. Về thời điểm phân tích: Tất cả các DN trực thuộc đều thực hiện phân tích sau kỳ BCTC đã lập xong và có sự phê duyệt của người đứng đầu DN. Việc công bố thông tin chưa được thực hiện theo Thông tư 155/2015/TT-BTC về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Thực trạng phân tích báo cáo quản trị

Theo khảo sát của tác giả, hầu hết các DN chưa thực hiện phân tích báo cáo kế toán quản trị, chỉ có một số rất ít DN trực thuộc và các Văn phòng của các Tổng công ty thực hiện phân tích nhưng cũng ở mức độ đơn giản.

Nộp và công khai BCTC

Hiện nay các DN thực hiện nộp và công khai BCTC theo định kỳ quý, năm, đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về thời hạn nộp BCTC riêng và BCTCHN có 4/5 DN thuộc diện phải nộp báo cáo để hợp nhất BCTC (chiếm 80%) đơn vị nộp BCTC đúng hạn còn 1/5 (20%) đơn vị chưa thực hiện đúng quy định về thời hạn nộp báo cáo. Tình hình này ảnh hưởng không ít đến tiến độ lập BCTCHN của các Tổng công ty.

2.2.5. Hệ thống kiểm soát và kiểm tra kế toán

Hệ thống kiểm soát của các doanh nghiệp thường có sự kết hợp với công tác kiểm toán nội bộ hoặc kiểm toán độc lập do doanh nghiệp thuê. Trong trường hợp này, công tác kiểm soát của doanh nghiệp được thực hiện khá tốt bởi có sự kiểm soát kết hợp giữa bộ phận kế toán của doanh nghiệp

với bộ phận kiểm soát nội bộ và đơn vị kiểm toán độc lập.

Về công tác kiểm tra kế toán ở các DN, cho thấy các DN đã thực hiện khá đầy đủ các nội dung kiểm tra kế toán.

Tuy nhiên, công tác kiểm tra kế toán của một số DN mới chỉ được thực hiện theo quý còn hàng tháng chỉ có sự kiểm soát trực tiếp của Kế toán trưởng hoặc kế toán tổng hợp.

2.2.6. Về ứng dụng công nghệ thông tin

Nhìn chung, cơ sở hạ tầng thông tin của các doanh nghiệp mới ở mức độ trung bình, do một số doanh nghiệp còn nhiều khó khăn nên việc trang bị cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế.

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

2.3.1. Ưu điểm

- HTTKT tại các doanh nghiệp thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng về cơ bản đã tuân thủ khá tốt các Chuẩn mực, Nguyên tắc, Chế độ kế toán hiện hành cũng như các quy định cụ thể của Tổng cục và Bộ quốc phòng.

- Việc lựa chọn mô hình tổ chức bộ máy kế toán cơ bản là phù hợp với đặc điểm hoạt động của mỗi doanh nghiệp;

- Việc vận dụng Luật, Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán của các doanh nghiệp nhìn chung là phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kể cả những DN hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

- Công tác lập và phân tích BCTC đều do bộ phận kế toán kiêm nhiệm, vì thế quá trình thu thập nguồn tài liệu sử dụng cho công tác phân tích BCTC được tiến hành nhanh chóng, kịp thời.

- Việc đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho bộ phận kế toán tại các doanh nghiệp cũng được các ban lãnh đạo quan tâm.

2.3.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm của HTTK kế toán trong các doanh nghiệp, còn một số hạn chế sau đây:

Một là, hạn chế trong tổ chức bộ máy kế toán

Hai là, hạn chế trong tổ chức thông tin kế toán qua hệ thống chứng từ kế toán

Ba là, hạn chế về việc vận dụng hệ thống TKKT và ghi chép kế toán tài chính.

Bốn là, hạn chế về việc mở tài khoản kế toán quản trị và ghi chép kế toán quản trị

Năm là, hạn chế về hệ thống sổ kế toán:

Sáu là, hạn chế về hệ thống báo cáo kế toán

Bảy là, hạn chế về hệ thống kiểm soát và kiểm tra kế toán

Tám là, hạn chế về ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

2.3.3. Nguyên nhân hạn chế

2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Kết luận chương 2

Trong chương 2, tác giả đã nghiên cứu, khảo sát thực trạng HTTT kế toán tại các DN thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng- Bộ Quốc phòng trên các nội dung cấu thành của HTTT kế toán gồm bộ máy kế toán; dữ liệu kế toán; phương tiện kỹ thuật (phần cứng, phần mềm); thủ tục kế toán: Hệ thống chứng từ kế toán, Hệ thống tài khoản kế toán, Hệ thống sổ kế toán, hệ thống báo cáo kế toán và hệ thống kiểm soát, kiểm tra kế toán tại các Tổng công ty, doanh nghiệp trực thuộc Tổng công ty và doanh nghiệp thuộc Tổng cục. Thông qua những dữ liệu từ việc khảo sát thực tế, tác giả đã đánh giá những ưu điểm đạt được, những hạn chế và nguyên nhân hạn chế của HTTT kế toán trong các doanh nghiệp này.

Chương 3

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

3.1. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG CỦA TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

3.1.1. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển công nghiệp Quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo của Đảng và Nhà nước

3.1.2. Chiến lược xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng những năm tới

*** Một số mục tiêu chung của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng**

Thứ nhất, Tổng cục CNQP cần tiếp tục tuyển dụng và xây dựng được một đội ngũ cán bộ CNVC hội tụ đủ tinh thần tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm ở tại mỗi vị trí công tác được giao.

Thứ hai, Tổng cục CNQP cần tích cực và chủ động đi trước đón đầu, tiếp cận và đầu tư ưu tiên trọng điểm cho các doanh nghiệp, các nhà máy Đóng tàu; nhà máy và doanh nghiệp chế tạo, sản xuất các trang thiết bị quân sự, chế tạo sản xuất vũ khí khí tài quân sự...

Thứ ba, Tổng cục CNQP cần chú trọng trong việc tháo gỡ những khó khăn trong SXKD cũng như việc tiêu thụ các sản phẩm của các doanh nghiệp trong toàn Tổng cục, lãnh đạo củng cố và kiện toàn xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện;

Thứ tư, chú trọng lãnh đạo và xây dựng tập thể Tổng cục CNQP luôn là một khối đoàn kết thống nhất cao, chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và BQP;

Thứ năm, xây dựng và phát triển các DN Quốc phòng trong Tổng cục trở thành doanh nghiệp phát triển toàn diện, đa dạng hóa ngành nghề SXKD, đảm bảo và duy trì được tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm.

*** Một số mục tiêu cụ thể**

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng, tính ổn định và độ tin cậy của các loại vũ khí thiết bị kỹ thuật hiện có, đã và đang được sản xuất sửa chữa.

- Đẩy mạnh sản xuất kinh tế, xuất khẩu sản phẩm quốc phòng. Phấn đấu đạt và vượt mức tăng trưởng bình quân về giá trị doanh thu từ 8-10%/năm trở lên, giá trị tăng thêm và thu nhập của người lao động từ 6-8%/năm.

- Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa công nghệ sản xuất, sửa chữa các loại vũ khí trang bị kỹ thuật có nhu cầu đặt hàng thường xuyên.

- Tập trung lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả SXKD

- Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 520-NQ/QUTW, ngày 25/09/2012 của Quân ủy Trung ương “*về lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng của quân đội đến năm 2020*” và Nghị quyết số 383- NQ/ĐUTC, ngày 27/12/2012 của Đảng ủy Tổng cục “*về lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế đến năm 2015 và những năm tiếp theo*”; đẩy mạnh sản xuất phục vụ xuất khẩu, bao gồm cả sản phẩm vũ khí theo đúng quy định của pháp luật.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo công nghệ sản xuất, nghiên cứu, chế thử.

3.2. YÊU CẦU HOÀN THIỆN

3.2.1. Phải tuân thủ Luật kế toán, các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản pháp lý về kế toán hiện hành.

3.2.2. Phải phù hợp với đặc điểm cụ thể và yêu cầu quản lý của Tổng cục và của các DN trực thuộc.

3.2.3. Phải đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin kinh tế, tài chính phục vụ các đối tượng sử dụng.

3.2.4. Phải quán triệt quan điểm tiết kiệm, hiệu quả và khả thi.

3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

3.3.1. Hoàn thiện cơ cấu, sắp xếp lại các doanh nghiệp thuộc Tổng cục phù hợp theo xu thế mới

+ Đổi mới, sắp xếp các DN thuộc Tổng cục thành các Tổng công ty có chức năng, nhiệm vụ tương đối đồng nhất về lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

(1) TCT đóng mới và sửa chữa tàu: TCT này có nhiệm vụ chủ yếu là thực hiện các dự án, hợp đồng đóng mới và sửa chữa các loại tàu quân sự, dân sự.

(2) Tổng công ty hóa chất:

(3) Tổng công ty quang điện, điện cơ;

(4) Tổng công ty sản xuất sửa chữa vũ khí, đạn dược, ngòi nổ;

(5) Tổng công ty kinh doanh thương mại dịch vụ.

3.3.2. Hoàn thiện bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình vừa tập trung, vừa phân tán sẽ phù hợp với việc tăng cường tự chủ tài chính trong các DN.

Để thực hiện được điều này, cần giải quyết tốt các vấn đề sau:

- Các tổng công ty và các DN trực thuộc tổng công ty cần xác định khối lượng công việc kế toán cần thực hiện tại đơn vị.

- Xác định số lượng bộ phận kế toán của bộ máy kế toán tại TCT và DN.

- Xác định số lượng và chất lượng của đội ngũ người làm kế toán trong từng bộ phận kế toán tại tổng công ty và các DN trực thuộc hợp lý.

- Tổ chức phân công nhiệm vụ hợp lý cho từng bộ phận kế toán và từng người làm kế toán nhằm đảm bảo thu nhận, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ cho việc điều hành của nhà quản trị trong doanh nghiệp.

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại các TCT có thể cần được bổ sung thêm một số bộ phận kế toán sau:

- + Bộ phận kế toán đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại;
- + Bộ phận kế toán giao dịch nội bộ;
- + Bộ phận kế toán tổng hợp, lập BCTCHN.

* Kế toán tại các DN trực thuộc TCT, chi nhánh hạch toán phụ thuộc chịu trách nhiệm thu thập, xử lý, cung cấp thông tin về KTTC và KTQT liên quan đến hoạt động của DN mình và chịu sự hướng dẫn về thủ tục kế toán hợp nhất của Tổng công ty, định kỳ (cuối năm, cuối kỳ giữa niên độ) phải lập và chuyển BCTC riêng cùng các tài liệu liên quan về phòng kế toán Tổng công ty để phục vụ lập BCTCHN.

3.3.3. Hoàn thiện dữ liệu kế toán

Trong điều kiện công nghệ thông tin ngày càng phát triển, các DN cần hoàn thiện dữ liệu của HTTT kế toán theo hướng tất cả các dữ liệu từ các nguồn khác nhau đều phải được lưu trữ trong các bảng dữ liệu hai chiều (gồm các dòng, các cột). Các đối tượng kế toán cũng cần phải được mã hóa theo những nguyên tắc nhất định. Điều này tạo điều kiện cho quá trình viết và bảo trì phần mềm dễ dàng hơn.

3.3.4. Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán

Những nội dung cơ bản cần hoàn thiện như sau:

- Xây dựng và thiết kế hệ thống chứng từ áp dụng tại các DN:
- Quy định về lập chứng từ kế toán
- Kiểm tra và luân chuyển chứng từ kế toán

3.3.5. Hoàn thiện việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

** Về tài khoản dùng cho kế toán tài chính*

Các DN dựa vào đặc điểm kinh doanh cụ thể của mình để lựa chọn các TK cấp 1 và TK cấp 2 trong hệ thống tài khoản kế toán mà Bộ Tài chính đã ban hành phù hợp nhằm thu nhận, xử lý và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin kế toán tài chính phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

** Về tài khoản dùng cho kế toán quản trị*

Đối với kế toán quản trị, DN cần phải tổ chức được các thông tin thích hợp ngay từ khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đã hoàn thành. Vì vậy, cần phải tổ chức vận dụng tài khoản kế toán phù hợp với điều kiện kinh doanh cụ thể của từng doanh nghiệp.

3.3.6. Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán

3.3.7. Hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán.

- * Hoàn thiện về lập BCLCTT hợp nhất
- * Hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán quản trị
 - Báo cáo quản trị chi phí sản xuất
- * Hoàn thiện phân tích báo cáo tài chính

Nội dung tổ chức công tác phân tích báo cáo tài chính được xác định, bao gồm:

- + Lập kế hoạch phân tích.
- + Thực hiện kế hoạch phân tích
- + Lập báo cáo phân tích

3.3.8. Hoàn thiện phương tiện kỹ thuật sử dụng trong HTTT kế toán

* **Phần cứng:** Để tối ưu hóa hệ thống phần cứng phục vụ cho HTTTKT của các DN trong điều kiện công nghệ thông tin ngày càng phát triển như hiện nay, DN cần trang bị một hệ thống máy tính có chất lượng cao và kết nối giữa các máy tính của các bộ phận kế toán trong phòng kế toán với nhau. Ngoài ra, các HTTT khác cũng cần được kết nối với HTTTKT và với máy chủ tạo thành một HTTT của DN được tổ chức theo kiểu mạng LAN.

* **Phần mềm:** Phần mềm kế toán phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

+ Hỗ trợ người dùng trong việc tuân thủ các quy định của nhà nước cũng như của DN về kế toán. Khi sử dụng phần mềm kế toán không làm thay đổi bản chất, nguyên tắc và phương pháp kế toán.

3.3.9. Hoàn thiện hệ thống kiểm soát và kiểm tra kế toán

Hệ thống kiểm soát của DN cần được hoàn thiện trên các nội dung sau:

Một là, cần thực hiện triệt để nguyên tắc bất kiêm nhiệm;

Hai là, cần xây dựng hệ thống giám sát việc truy cập vào hệ thống phần mềm kế toán.

Ba là, kiểm soát tính bảo mật của dữ liệu kế toán trên hệ thống máy tính thông qua việc phân quyền sử dụng cho từng người làm kế toán của các bộ phận kế toán có liên quan trong bộ máy kế toán của DN.

Bốn là, thực hiện kiểm soát chặt chẽ công tác kiểm kê tài sản định kỳ;

Năm là, cần ban hành các chính sách và thủ tục kế toán bằng văn bản để áp dụng thống nhất trong toàn DN.

Đối với kiểm tra kế toán, nội dung kiểm tra bao gồm tất cả các khâu công việc liên quan đến công tác kế toán; DN phải thành lập Ban kiểm tra độc lập để rà soát nhằm kịp thời phát hiện các sai sót, gian lận trong kế toán.

3.3.10. Hoàn thiện về ứng dụng công nghệ thông tin trong HTTT kế toán

Yêu cầu đầu tiên và quan trọng nhất để ứng dụng công nghệ thông tin trong HTTTKT đem lại hiệu quả thiết thực là *đầu tư cơ sở về công nghệ thông tin*. Bước tiếp theo là tăng cường ứng dụng tác nghiệp, điều hành nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động, hỗ trợ cho các bộ phận chức năng trong DN.

3.4. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP

3.4.1. Về phía Nhà nước

3.4.2. Về phía các Hội nghề nghiệp

3.4.3. Về phía các DN thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng

Kết luận chương 3

Trong chương này, tác giả đã phân tích định hướng chiến lược phát triển công nghiệp Quốc phòng của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng; phân tích các yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện HTTT kế toán tại các DN thuộc Tổng cục này. Trên cơ sở phân tích về lý luận ở chương 1 và thực trạng HTTT kế toán tại các DN thuộc Tổng cục ở chương 2, tác giả đã đề xuất và phân tích các giải pháp hoàn thiện HTTT kế toán tại các DN thuộc Tổng Cục, (gồm tại các TCT và các DN trực thuộc Tổng công ty hiện đang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con) và các DN thuộc Tổng cục. Các nội dung hoàn thiện vừa mang tính khái quát, vừa mang tính cụ thể, bao gồm nội dung hoàn thiện chính sách vĩ mô của Nhà nước và nội dung cấu thành của HTTT kế toán trong phạm vi các DN này. Để tăng tính khả thi cho các giải pháp hoàn thiện, tác giả đã phân tích một số điều kiện thực hiện giải pháp, gồm điều kiện về phía nhà nước, hội nghề nghiệp và các DN thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng.

KẾT LUẬN

Sự phát triển doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp kinh tế quốc phòng nói riêng đã và đang được nhà nước, Bộ Quốc phòng cũng như toàn xã hội quan tâm. Các hoạt động theo mô hình kinh tế kết hợp Quốc phòng đã khẳng định vị trí của các doanh nghiệp Quốc phòng và có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội. Tăng cường công tác quản lý DN thông qua việc sử dụng hợp lý hệ thống thông tin kế toán là cần thiết. Nhận thức rõ điều này, tác giả luận án với đề tài “*Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc phòng*” đã nghiên cứu và rút ra những kết luận cơ bản sau đây:

Một là, hệ thống hóa và làm rõ thêm các vấn đề lý luận về hệ thống thông tin trong các doanh nghiệp như khái niệm về HTTT kế toán, mục tiêu, yêu cầu và vai trò của HTTT kế toán. Luận án phân tích rõ cấu thành của hệ thống thông tin kế toán. Các vấn đề được nghiên cứu một cách khoa học, tạo điều kiện cho việc nâng cao nhận thức lý luận trong hoạch định chính sách quản lý vĩ mô. Đồng thời, giúp các nhà quản lý trong doanh nghiệp nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của HTTT kế toán trong doanh nghiệp đối với việc cung cấp thông tin kinh tế, tài chính chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ cho nhà quản trị ra các quyết định kinh tế tốt nhất.

Hai là, luận án nghiên cứu kinh nghiệm tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp ở một số nước phát triển và rút ra bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp thuộc tổng cục Công nghiệp quốc phòng nói riêng.

Ba là, thông qua khảo sát thực tế về HTTT kế toán trong các doanh nghiệp thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, luận án đã phân tích ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế về HTTT kế toán tại các DN này. Các nhận xét, đánh giá mang tính khách quan, giúp cho các nhà quản trị thấy rõ thực chất tác dụng của HTTT kế toán, từ đó có biện pháp tích cực đổi mới tổ chức HTTT kế toán phù hợp với thực tiễn của các DN thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc phòng nhằm phục vụ tốt công tác quản trị DN.

Bốn là, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đã đề xuất các nội dung hoàn thiện HTTT kế toán trong các DN thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc phòng nhằm cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ và trung thực cho các nhà quản lý doanh nghiệp trong việc đưa ra các quyết định kinh doanh tối ưu.

Năm là, luận án đã đề xuất những điều kiện cơ bản thuộc về phía nhà nước, Hội nghề nghiệp và các doanh nghiệp thuộc tổng cục Quốc phòng. Đó cũng chính là các kiến nghị để thực hiện các giải pháp đã đề xuất.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Đỗ Văn Hiệp (2019), “Hệ thống thông tin kế toán của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc phòng”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, số 11.
2. Đỗ Văn Hiệp (2019), “Giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp thuộc tổng cục Công nghiệp quốc phòng”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán*, số 12.